

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 6 - 2023

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Trương Thanh Cường.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2023/TLVA-HNGĐ ngày 19/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Xóm 11, xã N, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Nông Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị T kết hôn với nhau vào năm 2012, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại thôn D, xã N, huyện Lục Nam. Năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống

nên trong cuộc sống T xảy ra cãi vã, to tiếng. Từ đó chị T chuyển ra ngoài ở, vợ chồng ly thân, không quan hệ tình cảm với nhau đã 6 năm nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nông Gia K, sinh ngày 05/12/2012. Hiện nay con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với bố tại thôn D, xã N, huyện Lục Nam. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con vì con ở với anh từ nhỏ đến giờ.

- Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh xin chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Tại bản tự khai, bị đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Chị xác nhận những lời khai của anh Nông Văn T về thời điểm kết hôn và việc có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lục Nam là đúng. Vợ chồng ở với nhau đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn được. Chị đã chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ, ly thân với anh T từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên việc anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị nhất trí. Hiện nay chị vẫn đăng ký thường trú tại thôn D, xã N, huyện Lục Nam nhưng không thường xuyên sinh sống ở đó. Chị đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lục Nam là cơ quan giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nông Gia K, sinh ngày 05/12/2012. Hiện nay con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với bố. Chị nhất trí để anh T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nông Văn T và chị Phạm Thị T đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Nông Văn T được ly hôn chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Giao con chung là Nông Gia K, sinh ngày 05/12/2012 cho anh Nông Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Anh Nông Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung đối với chị Phạm Thị T. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ Thường trú tại thôn D, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T:

Anh Nông Văn T và chị Phạm Thị T kết hôn với nhau vào năm 2012, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong

tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lục Nam (*Giấy chứng nhận kết hôn số 79 do UBND xã N cấp ngày 24/7/2012*). Do vậy quan hệ giữa anh Nông Văn T và chị Phạm Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh T, chị Thuỷ chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên chị T bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh T. Từ đó đến nay vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm, thăm hỏi gì nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T là có thật, vợ chồng đã ly thân hơn 6 năm nay, lời khai của cả hai bên đều thừa nhận việc này. Nay cả anh T và chị T đều xác định không còn tình cảm, phía anh T xin ly hôn, chị T nhất trí. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho anh Nông Văn T được ly hôn với chị Phạm Thị T là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của hai bên đương sự.

[5] Về con chung: Anh Nông Văn T và chị Phạm Thị T có 01 con chung là Nông Gia K, sinh ngày 05/12/2012. Hiện nay con đang ở cùng bố (Nông Văn T) tại thôn D, xã N, huyện Lục Nam và anh T có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, phía chị T nhất trí để anh T nuôi con. Do vậy cần giao con chung cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Thuỷ có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Nông Văn T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nông Văn T được ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Giao anh Nông Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nông Gia K, sinh ngày 05/12/2012.

Chị Phạm Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014581 ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nông Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã N, huyện Lục Nam;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Công thông tin điện tử tòa án;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn